

Số: 06/2026/QĐST-DS

Ninh Bình, ngày 23 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 299, Điều 318, Điều 323, Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự;
Căn cứ vào Điều 147, Điều 157, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số 30/2025/TLST- DS ngày 09-11-2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần M (MARS); Địa chỉ trụ sở: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T1 - Chức vụ: Phó Giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 4260/2025/UQ-MARS ngày 25-8-2025).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Phúc D, ông Nguyễn Tùng L và bà Nguyễn Thị Vân A - Chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền số

5451/2025/UQ-MARS ngày 20-10-2025);

2. Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1); Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T2 - Chức vụ: Trưởng Phòng xử lý nợ pháp lý tích hợp 1 (theo văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28-7-2025).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Tất T3 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 898/2025/UQ-VPB ngày 20-10-2025);

- Bị đơn: Ông Trần Tất T4, sinh năm 1985; số căn cước công dân: 001085049688; nơi đăng ký thường trú: Thôn C, phường M, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Số nhà A T, phường N, tỉnh Ninh Bình.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ: Tính đến hết ngày 15-01-2026 ông Trần Tất T4 còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M số tiền là:

- Ông Trần Tất T4 còn nợ Công ty cổ phần M số tiền là: 4.731.640.875 đồng (bốn tỷ bảy trăm ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn tám trăm bảy mươi năm đồng), (trong đó, nợ gốc: 3.529.525.790 đồng, nợ lãi: 1.196.649.538 đồng và lãi chậm trả: 5.465.547 đồng); cụ thể theo hợp đồng cho vay số LN 2211187486792 ngày 29-11-2022 nợ gốc: 1.922.104.450 đồng, nợ lãi: 679.364.985 đồng, lãi chậm trả: 2.829.720 đồng; theo hợp đồng cho vay số LN2210207155901 ngày 28-01-2022 nợ gốc: 214.820.020 đồng, nợ lãi: 74.423.098 đồng, lãi chậm trả: 115.261 đồng, theo hợp đồng cho vay số LN2311060777373 ngày 10-11-2023 nợ gốc: 669.901.320 đồng, nợ lãi: 219.194.913 đồng, lãi chậm trả: 854.287 đồng; theo hợp đồng cho vay hạn mức số 10095164 ngày 19-12-2023 nợ gốc: 722.700.000 đồng, nợ lãi: 223.666.542 đồng, lãi chậm trả: 1.666.280 đồng.

- Ông Trần Tất T4 còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền là: 47.794.352 đồng (bốn mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi hai đồng) (trong đó, nợ gốc: 35.651.775 đồng, nợ lãi 12.087.369 đồng và lãi chậm trả: 55.208 đồng), cụ thể: Theo hợp đồng cho vay số LN 2211187486792 ngày 29-11-2022 nợ gốc: 19.415.196 đồng, nợ lãi: 6.862.273 đồng, lãi chậm trả: 28.583 đồng; theo hợp đồng cho vay số LN2210207155901 ngày 28-01-2022, nợ gốc: 2.169.899 đồng, nợ lãi: 751.748 đồng, lãi chậm trả: 1.165 đồng; theo hợp đồng cho vay số LN2311060777373 ngày 10-11-2023 nợ gốc: 6/.766.680 đồng, nợ lãi: 2.214.090 đồng, lãi chậm trả: 8.629 đồng; theo hợp đồng cho vay hạn mức

số 10095164 ngày 19-12-2023 nợ gốc: 7.300.000 đồng, nợ lãi: 2.259.258 đồng, lãi chậm trả: 16.831 đồng.

2. Về thời hạn và phương thức trả nợ:

- Chậm nhất vào ngày 15-3-2026 ông **Trần Tất T4** có nghĩa vụ trả nợ cho **Công ty cổ phần M** số tiền là: 4.731.640.875 đồng (bốn tỷ bảy trăm ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn tám trăm bảy mươi năm đồng), trong đó, nợ gốc: 3.529.525.790 đồng, nợ lãi: 1.196.649.538 đồng và lãi chậm trả: 5.465.547 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16-01-2026 theo mức lãi suất trong các hợp đồng cho vay số LN 2211187486792 ngày 29-11-2022, hợp đồng cho vay số LN2210207155901 ngày 28-01-2022, hợp đồng cho vay số LN2311060777373 ngày 10-11-2023 và hợp đồng cho vay hạn mức số 10095164 ngày 19-12-2023, các khế ước nhận nợ cho đến ngày ông **Trần Tất T4** thực tế thanh toán hết khoản nợ cho **Công ty cổ phần M**. Cụ thể tại thời điểm ngày 15-01-2026 đối với hợp đồng cho vay số LN 2211187486792 ngày 29-11-2022 lãi suất trong hạn là 12,6%, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; đối với hợp đồng cho vay số LN2210207155901 ngày 28-01-2022 lãi suất trong hạn là 11,5%, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Đối với hợp đồng cho vay số LN2311060777373 ngày 10-11-2023 lãi suất trong hạn là 12%, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Đối với hợp đồng cho vay hạn mức số 10095164 ngày 19-12-2023 lãi suất trong hạn là 7,49%, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Chậm nhất vào ngày 15-3-2026 ông **Trần Tất T4** có nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V** số tiền là: 47.794.352 đồng (bốn mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi hai đồng), trong đó, nợ gốc: 35.651.775 đồng, nợ lãi 12.087.369 đồng và lãi chậm trả: 55.208 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16-01-2026 theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay số LN 2211187486792 ngày 29-11-2022, hợp đồng cho vay số LN2210207155901 ngày 28-01-2022, hợp đồng cho vay số LN2311060777373 ngày 10-11-2023 và hợp đồng cho vay hạn mức số 10095164 ngày 19-12-2023, các khế ước nhận nợ cho đến ngày ông **Trần Tất T4** thực tế thanh toán hết khoản nợ cho **Công ty cổ phần M**, **Ngân hàng thương mại cổ phần V**. Cụ thể tại thời điểm ngày 15-01-2026 đối với hợp đồng cho vay số LN 2211187486792 ngày 29-11-2022 lãi suất trong hạn là 12,6%, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; đối với hợp đồng cho vay số LN2210207155901 ngày 28-01-2022 lãi suất trong hạn là

11,5%, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Đối với hợp đồng cho vay số LN2311060777373 ngày 10-11-2023 lãi suất trong hạn là 12%, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Đối với hợp đồng cho vay hạn mức số 10095164 ngày 19-12-2023 lãi suất trong hạn là 7,49%, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất cho vay trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp ông **Trần Tất T4** không trả nợ đầy đủ cho **Công ty cổ phần M** và **Ngân hàng thương mại cổ phần V** thì **Công ty cổ phần M** và **Ngân hàng thương mại cổ phần V** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ, bao gồm:

Tài sản thứ nhất: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 631, tờ bản đồ số 68; địa chỉ: **Tổ A, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 497631 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N** cấp ngày 29-03-2022 mang tên ông **Trần Tất T4**. Theo Hợp đồng thế chấp số 7486792 ngày 29-11-2022 tại **Văn phòng C, tỉnh Nam Định** và thỏa thuận ngày 29-11-2022 giữa **Ngân hàng thương mại cổ phần V** và ông **Trần Tất T4**.

Tài sản thứ hai: Xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, **N S**, 1,5L, AT, biển kiểm soát 18A-307.75, số khung MM7DL2SAAPW826488, số máy là P520819444. Theo hợp đồng thế chấp số LN2210207155901 ngày 28-10-2022 giữa **Ngân hàng thương mại cổ phần V** và ông **Trần Tất T4**.

Trường hợp sau khi đã xử lý xong các tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ (bao gồm cả gốc và lãi) thì ông **Trần Tất T4** có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho **Công ty cổ phần M** và **Ngân hàng thương mại cổ phần V** cho đến khi tất toán khoản nợ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: **Ngân hàng thương mại cổ phần V** và **Công ty cổ phần M** tự nguyện chịu toàn bộ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Trần Tất T4** phải nộp 56.366.000 đồng (năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) (đã làm tròn).

Trả lại **Công ty cổ phần M** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.276.000 đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tại biên lai số 0002674 ngày 06-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.149.000 đồng (một triệu một trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tại biên lai số 0002676 ngày 06-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN:

Bùi Thị Nhung